

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2023/DS -ST
Ngày: 13-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Ân**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Thơm**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kiều T**, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp O, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 12/6/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày: Giữa chị và anh Bùi Văn Đ là chỗ quen biết, vào tháng 4 năm 2022 chị và anh Đ có thỏa thuận mua bán với nhau, chị có bán cho anh Đ 3.530kg cam sành, giá 10.000đ/kg, thành tiền 35.300.000đ. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Sau khi cắt cam xong thì anh Đ có trả chị được tổng cộng 8.300.000đ, còn nợ lại 27.000.000đ từ tháng 6/2022 đến nay. Chị có điện thoại nhiều lần nhưng anh Đ không trả số tiền còn lại cho chị. Sau đó chị có gửi đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp O giải quyết nhưng anh Đ không đến dự hoà giải, chị có điện thoại trực tiếp thì anh Đ thừa nhận số tiền mua cam còn nợ là 27.000.000đ. Nay chị khởi kiện yêu

cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đ có nghĩa vụ trả cho chị số tiền mua bán cam còn nợ là 27.000.000đ và không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Bùi Văn Đ tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bị đơn anh Đ vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Bùi Văn Đ có địa chỉ cư trú ấp O, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền mua bán còn nợ. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn anh Bùi Văn Đ được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào tháng 4 năm 2022, giữa chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Bùi Văn Đ có thỏa thuận mua bán cam với nhau, chị T có bán cho anh Đ 3.530kg cam sành, giá 10.000đ/kg, thành tiền 35.300.000đ. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Sau khi cắt cam xong thì anh Đ có trả chị T được 8.300.000đ, còn nợ lại 27.000.000đ từ tháng 6/2022 đến nay. Chị có điện thoại nhiều lần nhưng anh Đ không trả số tiền còn lại cho chị và chị cũng đã yêu cầu Ban nhân dân ấp O giải quyết nhưng anh Đ không đến dự hoà giải, chị có điện thoại trực tiếp thì anh Đ thừa nhận số tiền mua cam còn nợ là 27.000.000đ. Phía nguyên đơn có xuất trình 01 thẻ nhớ thể hiện nội dung anh Đ thừa nhận còn nợ chị T tiền mua bán cam, số lượng theo nguyên đơn trình bày trong đoạn video là 3.530kg, bị đơn hứa 03 ngày trả. Bị đơn anh Bùi Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến cũng không trả lời bằng văn bản cho Tòa án biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu của nguyên đơn đưa ra. Do vậy thực tế việc mua bán cam giữa chị T và anh Đ có

xảy ra, là sự việc có thật, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay anh Đ còn thiếu tiền chị T, chị T đã đến đòi nhiều lần nhưng đến nay anh Đ vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó việc chị T yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền mua bán cam còn nợ 27.000.000đ, không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn và hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn anh Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị T số tiền mua bán cam còn nợ là 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể buộc anh Bùi Văn Đ phải nộp $27.000.000đ \times 5\% = 1.350.000đ$ (*Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*).

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận, nên hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kiều T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 675.000đ (*Sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0004174 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T.

Buộc bị đơn anh Bùi Văn Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T số tiền còn nợ 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Bùi Văn Đ có nghĩa vụ nộp 1.350.000đ (*Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*).

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Kiều T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000đ (*Sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0004174 ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An